

Thứ năm, ngày 2 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Hồi phục ngày đầu năm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/1/2020		•	
Tuần 30/12-3/1/2020		•	
Tháng 1/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mở đầu năm 2020, VN-Index có vận động tích cực trong cả phiên sáng và chiều. Dưới sự dẫn dắt của ngành Ngân hàng với các mã như BID, CTG, VCB, TCB, thị trường mở rộng biên độ tăng theo thời gian. Kết thúc phiên, chỉ số thành công lấy lại mốc 965 điểm. Mặc dù vậy, thanh khoản vẫn ở mức thấp và khối ngoại bán ròng là hai điểm trừ trong hôm nay. Nhìn chung, các thông tin tích cực từ vĩ mô như tăng trưởng GDP, vốn FDI, lạm phát, hay các chỉ tiêu tài khóa ở mức ổn định đã hỗ trợ kì vọng thị trường sẽ có một năm khả quan hơn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 2/1/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme_ Xây dựng_2.2%. 19/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.2%**, con số này của VNINDEX là 0.6%.

Phân tích kỹ thuật: DBC_ Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+5.68 điểm**, đóng cửa 966.67. HNX-Index **+0.48 điểm**, đóng cửa 102.99.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.89); VNM (+0.72); CTG (+0.67); VCB (+0.66); GAS (+0.51).**
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.73); NVL (-0.54); ROS (-0.18); KDH (-0.06); SCS (-0.05).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,245 tỷ đồng**, **+2%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 9.00 điểm. Thị trường có 202 mã tăng, 40 mã tham chiếu và 148 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **31.26 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HDB (40.33 tỷ), VIC (14.99 tỷ) và BID (8.54 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **0.10 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

966.67

Giá trị: 2245.46 tỷ

5.68 (0.59%)

Khối ngoại (ròng): -31.26 tỷ

HNX-INDEX

102.99

Giá trị: 196.24 tỷ

0.48 (0.47%)

Khối ngoại (ròng): -0.1 tỷ

UPCOM-INDEX

56.65

Giá trị: 157.72 tỷ

0.09 (0.16%)

Khối ngoại(ròng): 0.56 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	61.4	0.52%
Giá vàng	1,520	0.21%
Tỷ giá USD/VND	23,173	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,991	0.05%
Tỷ giá JPY/VND	21,293	-0.08%
LS liên NH 1 tháng	3.8%	4.17%
LS TPCP 5 năm	2.1%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	13.8	HDB	-40.3
E1VFN30	7.5	VIC	-15.0
MSN	6.7	BID	-8.6
VNM	6.1	BSR	-4.9
GEG	4.8	VCB	-4.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **19/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.2%**, con số này của VNINDEX là 0.6%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **17/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

- **7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_2.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Xây dựng	2.2%	2.0%	0.2%	-15.2%	-13.4%	-12.1%	21.7%	18.1%
Ngân hàng	1.6%	2.2%	7.3%	2.2%	16.7%	21.5%	97.7%	22.2%
Lãi suất giảm	1.5%	2.2%	-0.2%	-7.6%	-7.7%	0.9%	52.1%	17.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.5%	2.8%	6.5%	0.1%	9.0%	13.0%	52.8%	19.5%
Hàng tiêu dùng	1.4%	0.6%	-1.4%	-10.5%	-2.9%	3.1%	58.8%	17.3%
VN Diamond	1.3%	2.1%	4.8%	-2.5%	13.1%	18.8%	74.3%	17.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.3%	1.4%	4.5%	0.0%	15.4%	32.0%	129.6%	18.8%
VN FinSelect	1.3%	2.6%	5.4%	-0.7%	6.7%	10.3%	45.7%	18.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.2%	2.0%	2.5%	-1.7%	8.2%	18.2%	88.5%	16.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.1%	1.9%	4.3%	-2.3%	11.9%	18.8%	79.6%	17.2%
Nước & Năng lượng	1.0%	-0.4%	-0.3%	-4.6%	-7.7%	7.7%	45.6%	14.4%
Chiến tranh thương mại	0.9%	1.4%	-0.7%	-6.9%	-10.3%	4.3%	14.3%	15.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.9%	1.1%	2.3%	-6.0%	0.6%	7.0%	60.3%	14.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.6%	0.3%	-1.8%	-6.6%	-11.9%	-10.4%	47.4%	21.3%
FTSE Việt Nam	0.5%	1.3%	0.3%	-1.8%	1.5%	10.9%	90.4%	14.9%
Dầu khí	0.5%	-0.2%	-1.9%	-5.2%	-10.0%	4.0%	21.0%	23.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	0.9%	-0.7%	-3.0%	-0.7%	8.3%	78.9%	13.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	-0.2%	1.5%	2.1%	-3.8%	19.6%	52.5%	14.4%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	0.5%	-1.6%	-2.2%	1.4%	8.7%	6.8%	18.6%
BĐS & Khu công nghiệp	0.0%	1.2%	1.1%	-3.2%	-0.3%	7.0%	60.6%	16.3%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 11	1.9%	1.0%	0.5%	-9.2%	-1.6%	13.2%	74.9%	19.1%
Danh mục 3	1.1%	1.5%	4.8%	-0.7%	12.9%	24.4%	78.5%	18.6%
Danh mục 16	1.0%	0.5%	1.7%	-5.1%	7.0%	16.4%	66.7%	16.7%
Danh mục 18	0.1%	0.8%	2.9%	-1.9%	0.2%	8.0%	127.1%	18.1%
Danh mục 8	-0.1%	0.0%	3.1%	-1.0%	5.0%	16.9%	65.6%	17.4%

* Note
17/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	1.3%	0.4%	-0.8%	-6.7%	5.9%	28.2%	126.7%	17.9%
Danh mục 23	1.0%	-0.9%	-3.1%	-7.2%	-5.3%	18.9%	95.3%	18.7%
Danh mục 21	0.9%	1.9%	3.1%	-2.4%	8.3%	20.5%	66.9%	15.7%
Danh mục 19	0.3%	1.0%	3.6%	-0.1%	9.6%	24.3%	68.3%	15.4%
Danh mục 20	0.1%	0.4%	2.7%	-1.1%	8.0%	18.1%	64.5%	16.8%

* Note
7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX								
VNINDEX	0.6%	0.6%	1.4%	-2.1%	0.0%	7.3%	44.9%	15.5%
VN30INDEX	0.9%	1.6%	2.1%	-3.1%	1.8%	2.5%	43.4%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

BSC RESEARCH

1/2/2020

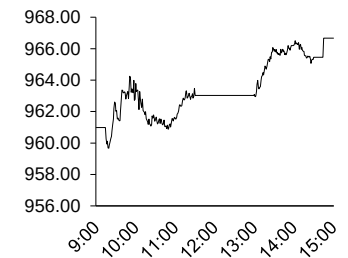
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

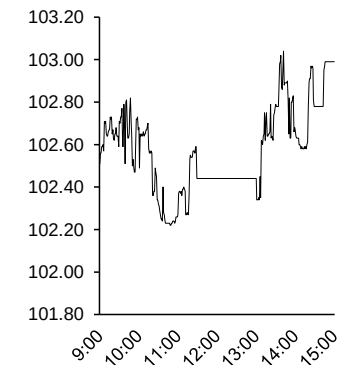
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Y tế	-0.3%
Bất động sản	-0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Dịch vụ tài chính	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Bảo hiểm	0.2%
Công nghệ Thông tin	0.4%
Hóa chất	0.5%
Dầu khí	0.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.9%
Du lịch và Giải trí	1.1%
Ngân hàng	1.3%
Ô tô và phụ tùng	1.7%
Tài nguyên Cơ bản	1.8%
Truyền thông	2.0%
Bán lẻ	2.5%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

DBC_ Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu và đường trung tâm.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: DBC đang hình thành xu hướng tăng mạnh mẽ sau khi giao dịch tích lũy trong vùng giá 23-25. Thanh khoản cổ phiếu trong phiên hôm nay tăng mạnh, vượt xa ngưỡng trung bình 20 phiên báo hiệu động lực tăng mạnh mẽ. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu nằm trên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá có thể được hỗ trợ trong trung hạn. Như vậy, DBC nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng kháng cự 27-28 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 2/1/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 2/1	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	61.09	0.27%	0.18%	9.49%	31.43%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	66.29	0.02%	0.53%	8.59%	20.84%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.71	0.01%	-1.53%	8.55%	29.25%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1518.72	0.95%	1.21%	3.77%	18.13%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.90	0.08%	0.35%	5.23%	14.88%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	956.00	3.58%	1.07%	10.36%	6.85%	HKB	DBC, QNS

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch 31/12, giá dầu thô Brent giảm 67 US cent tương đương 1% xuống 66 USD/thùng. Giá dầu WTI giảm 62 US cent tương đương 1% xuống 61.06 USD/thùng.
- Tính chung cả năm, giá dầu Brent tăng 23% và dầu WTI tăng 34% - năm tăng mạnh nhất trong 3 năm, được hỗ trợ bởi đột phá mới đây trong các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung và cam kết cắt giảm sản lượng bởi Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh.
- Các nhà dự báo không hy vọng giá dầu sẽ tăng mạnh trong năm tới, giá dầu thô Brent dự kiến sẽ dao động trong khoảng 63 USD/thùng, giảm nhẹ so với mức hiện tại, do việc cắt giảm sản lượng OPEC bù đắp nhu cầu suy yếu.

Giá vàng

- Chốt phiên giao dịch 31/12, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.3% lên 1,519.41 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 02/2020 trên sàn New York tăng 0.3% lên 1,523.1 USD/ounce. Giá vàng tăng lên mức cao nhất 3 tháng do đồng USD suy yếu và có năm tăng mạnh nhất trong gần 1 thập kỷ do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã khiến các nhà đầu tư tìm kiếm tài sản trú ẩn an toàn.
- Cả năm 2019, giá vàng tăng hơn 18% - năm tăng mạnh nhất kể từ năm 2010, do cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung kéo dài đẩy lên mối lo ngại về suy thoái kinh tế toàn cầu, khiến các nhà đầu tư tìm kiếm tài sản trú ẩn an toàn đã hỗ trợ giá vàng.

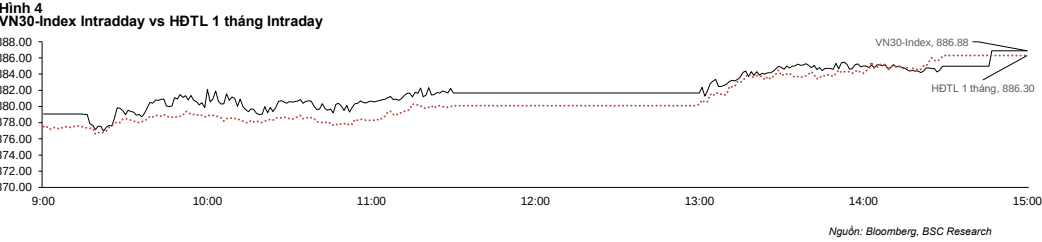
Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên tăng 0.5% lên 648.5 CNY (93.03 USD)/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 0.7% và giá thép cuộn cán nóng tăng 0.8%
- Tính chung cả năm 2019, giá quặng sắt giao ngay tăng 28% so với năm 2018 và đạt mức cao đỉnh điểm 126.5 USD/tấn trong ngày 3/7/2019.
- Dự báo sản lượng thép thô Trung Quốc năm 2019 sẽ đạt mức cao kỷ lục 988 triệu tấn, song sẽ giảm xuống còn 981 triệu tấn vào năm 2020, trong bối cảnh suy thoái kinh tế.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 2.45 US cent tương đương 1.6% xuống 1.297 USD/lb. Tính chung cả năm, giá cà phê Arabica tăng 27% sau khi giảm trong 2 năm liên tiếp 2017 và 2018. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 7 USD tương đương 0.5% lên 1,382 USD/tấn. Tính chung giá cà phê Robusta cả năm giảm 9.4% - năm giảm thứ 3 liên tiếp.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 0.11 US cent tương đương 0.8% xuống 13.43 US cent/lb. Tính chung cả năm, giá đường thô tăng 11.6% - năm tăng đầu tiên sau 2 năm giảm liên tiếp. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn London giảm 2.2 USD tương đương 0.6% xuống 359.2 USD/tấn. Tính chung cả năm giá đường trắng tăng 8%.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2001	886.30	1.14%	-0.58	13.1%	70480	1/16/2020	14
VN30F2002	887.10	1.22%	0.22	65.7%	333	2/20/2020	49
VN30F2003	895.00	1.30%	8.12	95.8%	47	3/19/2020	77
VN30F2006	895.20	0.66%	8.32	150.0%	30	6/18/2020	168

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +7.82 điểm lên mức 886.88 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, MWG, HPG, VNM, và TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng tích cực lên 882 điểm sau khi giảm nhẹ đầu phiên xuống 877 điểm. Sang phiên chiều, VN30 bật tăng trong phiên ATC lên gần 887 điểm, sau khi tăng mạnh, tích lũy quanh 885 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể kiểm tra ngưỡng 895 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CREE1904	VND	1/9/2020	7	2:1	205,230	127.4%	3.0 triệu	22.39%	3,400	1,430	21.19%	1,168.60	1.22
CMWG1907	HSC	4/8/2020	97	10:1	69,720	-45.2%	5.0 triệu	22.14%	1,900	1,080	13.68%	284.50	3.80
CHPG1909	KIS	5/15/2020	134	2:1	89,310	2001.4%	5.0 triệu	25.14%	1,800	1,450	11.54%	670.80	2.16
CMBB1905	HSC	4/8/2020	97	2:1	113,540	2.5%	5.0 triệu	17.74%	1,700	790	11.27%	130.80	6.04
CVPB1901	VND	3/5/2020	63	1:1	90,550	-28.7%	2.0 triệu	20.22%	3,500	3,710	9.76%	2,728.20	1.36
CHPG1907	SSI	4/22/2020	111	1:1	13,190	-50.8%	1.0 triệu	25.14%	4,200	4,650	6.65%	3,526.90	1.32
CVNM1906	VND	3/5/2020	63	2:1	81,900	69.6%	1.0 triệu	18.45%	8,100	5,330	5.96%	2,895.30	1.84
CTCB1902	VND	6/5/2020	155	1:1	23,100	-35.8%	2.0 triệu	21.55%	5,300	4,450	4.95%	3,461.20	1.29
CFPT1906	HSC	4/8/2020	97	5:1	65,820	-37.2%	5.0 triệu	20.85%	1,700	1,460	4.29%	758.10	1.93
CVJC1902	SSI	4/22/2020	111	1:1	8,520	-20.8%	1.0 triệu	13.80%	27,900	27,700	2.40%	19,982.00	1.39
CFPT1905	SSI	4/22/2020	111	1:1	26,520	7.3%	1.0 triệu	20.85%	9,900	7,990	2.17%	5,350.40	1.49
CMSN1902	KIS	5/15/2020	134	1:1	66,500	-67.0%	2.0 triệu	26.56%	1,640	960	2.13%	27.90	34.41
CVHM1902	SSI	4/22/2020	111	1:1	6,930	-17.5%	1.0 triệu	21.69%	18,600	10,290	1.98%	4,606.40	2.23
CVNM1903	SSI	4/22/2020	111	1:1	9,810	-22.8%	1.0 triệu	18.45%	26,600	14,220	1.50%	4,604.10	3.09
CFPT1907	VND	1/9/2020	7	1:1	74,650	126.1%	2.0 triệu	20.85%	4,200	2,790	1.09%	2,824.20	0.99
CVNM1902	KIS	3/26/2020	84	10:1	125,520	24511.8%	5.0 triệu	18.45%	1,900	1,200	0.84%	269.60	4.45
CVIC1903	KIS	5/15/2020	134	10:1	76,710	3386.8%	4.0 triệu	14.92%	1,430	1,240	0.00%	194.40	6.38
CVIC1902	SSI	4/22/2020	111	1:1	7,900	119.4%	1.0 triệu	14.92%	22,700	13,880	-3.00%	4,628.80	3.00
CMBB1906	VND	1/9/2020	7	2:1	374,560	110.9%	3.0 triệu	17.74%	2,100	640	-3.03%	609.80	1.05
CHPG1908	MBS	1/22/2020	20	2:1	41,190	-38.6%	2.0 triệu	25.14%	1,450	1,780	-6.32%	1,777.30	1.00
CGMD1901	MBS	4/28/2020	117	2.83:1	8,310	-73.1%	1.5 triệu	18.09%	1,680	860	-18.10%	157.00	5.48
CNVL1901	KIS	2/7/2020	36	4:1	8,030	-89.2%	5.0 triệu	18.43%	1,900	680	-28.42%	44.00	15.45
CSTB1901	KIS	1/9/2020	7	1:1	389,790	-9.5%	1.5 triệu	19.25%	1,390	50	-50.00%	0.70	71.43
CDPM1901	KIS	1/9/2020	7	1:1	71,770	-36.4%	1.5 triệu	27.25%	1,900	60	-53.85%	4.10	14.63
Tổng:					2,049,070		43.50 triệu	20.42%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 2/1/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

- Về giá, ngoại trừ CSTB1901 và CDPM1901, CNVL1901 và CGMD1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -28.42% và -18.10%. CREE1904 và CMWG1907 tăng mạnh nhất lần lượt là 21.19% và 13.68%. Thanh khoản thị trường giảm -11.44%. CSTB1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.04% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CFPT1905 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MWG tăng tích cực sau giai đoạn vận động tích lũy quanh vùng giá 110-115. Thanh khoản tăng, đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn của các chỉ báo kỹ thuật. Vận động tăng của MWG có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	20.55	2.75	1.28
MWG	117.00	2.63	1.19
HPG	24.00	2.13	1.14
VNM	117.90	1.20	0.97
TCB	23.80	1.06	0.78

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
NVL	57.5	-3.36	-1.05
SAB	224.0	-1.75	-0.39
ROS	16.1	-6.94	-0.38
EIB	17.7	-0.56	-0.14
GMD	23.2	-0.43	-0.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CREE1904	40,800	34,000	36,950
CMWG1907	144,000	125,000	117,000
CHPG1909	49,360	24,680	24,000
CMBB1905	26,400	23,000	21,200
CVPB1901	36,000	18,000	20,550
CHPG1907	25,200	21,000	24,000
CVNM1906	229,025	114,025	117,900
CTCB1902	42,000	21,000	23,800
CFPT1906	65,500	57,000	58,600
CVJC1902	157,900	130,000	148,000
CFPT1905	64,900	55,000	58,600
CMSN1902	155,778	77,889	57,000
CVHM1902	103,600	85,000	84,900
CVNM1903	145,580	118,980	117,900
CFPT1907	61,400	53,000	58,600
CVNM1902	151,203	132,203	117,900
CVIC1903	246,000	123,000	115,000
CVIC1902	137,700	115,000	115,000
CMBB1906	24,200	20,000	21,200
CHPG1908	23,400	20,500	24,000
CGMD1901	29,682	24,928	23,200
CNVL1901	69,688	62,088	57,500
CSTB1901	12,278	10,888	10,200
CDPM1901	15,888	13,988	12,950

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	117.0	2.6%	0.7	2,252	3.6	8,321	14.1	4.6	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	87.4	1.6%	1.0	856	2.5	4,839	18.1	4.7	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	69.0	0.6%	1.3	2,227	0.3	1,889	36.5	3.1	31.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.0	0.6%	0.7	311	0.0	2,801	11.1	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.0	0.0%	1.0	16,843	2.2	1,589	72.4	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.4	1.0%	1.1	3,394	0.9	1,033	33.3	2.8	32.8%	8.8%
NVL	Bất động sản	57.5	-3.4%	0.8	2,424	0.7	3,187	18.0	2.6	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	37.0	1.8%	1.0	498	1.5	5,614	6.6	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.3	-1.4%	1.5	327	0.7	3,215	4.4	0.9	45.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.4	1.9%	1.4	406	0.8	1,769	10.4	1.0	55.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	29.0	-1.7%	1.0	207	0.0	5,067	5.7	1.3	37.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.5	0.7%	1.5	286	0.6	1,287	16.7	1.5	56.7%	10.2%
FPT	Công nghệ	58.6	0.5%	0.9	1,728	2.3	4,688	12.5	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.1	0.0%	0.4	488	0.0	4,156	10.9	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	94.6	1.0%	1.6	7,872	0.6	5,886	16.1	4.0	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.5	0.9%	1.5	2,925	0.9	3,467	16.3	3.1	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.6	0.6%	1.6	366	0.4	2,062	8.5	0.7	21.7%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.2	0.0%	0.8	1,105	0.4	1,163	7.1	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	92.0	0.5%	0.5	523	0.1	4,535	20.3	3.8	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.0	0.0%	0.8	220	0.2	650	19.9	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.5	0.2%	0.6	150	0.0	625	10.4	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	90.8	0.7%	1.3	14,642	1.5	5,274	17.2	4.1	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	46.9	1.6%	1.6	8,201	1.8	2,109	22.2	2.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.5	2.9%	1.6	3,481	4.0	1,641	13.1	1.1	29.5%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.6	2.8%	1.2	2,178	1.5	3,341	6.1	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.2	1.9%	1.2	2,144	2.6	3,261	6.5	1.2	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.0	0.9%	1.1	1,657	1.2	3,585	6.4	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.2	-0.1%	0.8	161	0.1	5,073	8.9	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	32.0	-0.9%	0.3	137	0.0	4,603	7.0	1.2	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.2	-5.0%	1.3	654	0.0	732	20.8	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.0	2.1%	1.0	2,881	4.4	2,526	9.5	1.4	38.0%	17.4%
HSG	Thép	8.2	4.9%	1.6	151	1.1	890	9.2	0.6	17.7%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	117.9	1.2%	0.7	8,926	1.8	5,527	21.3	7.5	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	224.0	-1.8%	0.8	6,246	0.3	7,365	30.4	8.0	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	57.0	0.9%	1.2	2,897	1.3	4,512	12.6	2.0	39.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.6	0.5%	0.6	474	1.0	440	42.3	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	74.0	-1.3%	0.8	7,004	0.3	2,630	28.1	5.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	148.0	1.2%	1.1	3,371	2.7	9,850	15.0	5.7	19.5%	43.3%
HVN	Vận tải	34.3	1.6%	1.7	2,115	0.2	1,747	19.6	2.7	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	23.2	-0.4%	0.8	300	0.1	1,949	11.9	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.7	-0.6%	0.6	204	0.2	2,571	6.5	1.1	31.9%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	71.5	2.0%	1.0	497	0.8	8,338	8.6	3.6	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	-2.2%	0.7	351	0.1	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.8	-1.0%	0.8	246	0.0	1,912	7.7	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	52.8	2.9%	0.7	175	0.3	9,842	5.4	0.5	47.6%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.5	-1.5%	1.1	509	0.0	1,557	17.0	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	22.6	0.4%	0.4	244	0.7	1,845	12.3	1.0	51.0%	8.8%
POW	Điện	11.9	3.9%	0.6	1,212	0.8	820	14.5	1.1	13.8%	7.8%
NT2	Điện	21.8	0.5%	0.6	272	0.2	2,721	8.0	1.5	18.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	46.90	1.63	0.88	872620.00
VNM	117.90	1.20	0.71	352700.00
CTG	21.50	2.87	0.65	4.35MLN
VCB	90.80	0.67	0.65	386290.00
GAS	94.60	0.96	0.50	141260.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.00	0.88	0.33	1.16MLN
SHB	6.70	3.08	0.22	5.27MLN
VCS	71.50	2.00	0.05	247900.00
PVS	17.60	0.57	0.03	582800.00
DGC	24.70	1.23	0.02	92700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	224.00	-1.75	-0.75	28600.00
NVL	57.50	-3.36	-0.55	276470.00
ROS	16.10	-6.94	-0.20	20.43MLN
KDH	26.50	-1.49	-0.06	343020.00
SCS	116.10	-3.25	-0.06	10070.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	9.20	-2.13	-0.08	1.93MLN
PTI	17.70	-9.23	-0.04	1400.00
VCG	26.50	-1.49	-0.04	31400.00
LAS	6.30	-8.70	-0.02	68600.00
DP3	69.00	-6.76	-0.02	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCD	10.70	7.00	0.01	40.00
NKG	7.38	6.96	0.03	1.04MLN
LEC	16.15	6.95	0.01	610.00
PIT	4.04	6.88	0.00	5080.00
VAF	10.30	6.85	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	310000.00
HKB	0.60	20.0	0.01	1900.00
DST	0.90	12.5	0.00	180200.00
VIG	1.10	10.0	0.00	73500.00
TDT	11.10	9.9	0.01	210000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAV	12.50	-10.07	0.00	1500.00
LM8	20.00	-6.98	0.00	30.00
SSC	56.10	-6.97	-0.02	280.00
RDP	7.49	-6.96	-0.01	1370.00
ROS	16.10	-6.94	-0.20	20.43MLN

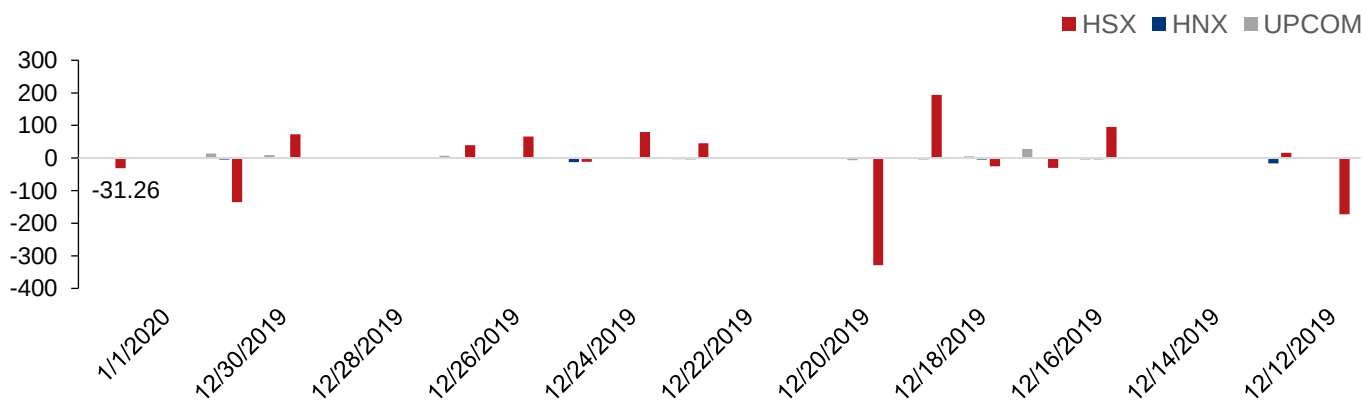
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	10800.00
CJC	18.90	-10.00	0.00	100.00
HTP	9.90	-10.00	0.00	3600.00
VC1	11.70	-10.00	0.00	100.00
SAF	50.50	-9.98	-0.01	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
13	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
14	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
19	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	165.5	n/a	5.7	4.5	Click
2	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	15.1	0	14.1	0.5	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	117.0	8,321	14.1	4.6	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.0	3,585	6.4	1.5	Click
5	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.8	2,692	4.7	0.8	Click
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.8	2,660	8.9	1.4	Click
7	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	115.0	6,216	18.5	7.0	Click
8	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	90.8	5,274	17.2	4.1	Click
9	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	30.0	9,530	3.1	1.6	Click
10	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	58.6	4,688	12.5	2.9	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	23.2	3,491	6.6	1.1	Click
12	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.9	2,246	7.9	0.8	Click
13	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	31.4	3,678	8.5	0.6	Click
14	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	57.0	4,512	12.6	2.0	Click
15	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	117.9	5,527	21.3	7.5	Click
16	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.3	2,887	7.4	1.5	Click
17	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	37.0	5,614	6.6	1.2	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	38.9	14,958	2.6	0.8	Click
19	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	22.2	26.3	8.2	2,279	3.6	0.5	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	23.0	3,585	6.4	1.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn